

HTÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 310/2025/DS-ST
Ngày: 29 - 4 - 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền
- Ông Võ Hoàng Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần T

Địa chỉ trụ sở: Phường V, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức danh: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Một thành viên T

(Văn bản ủy quyền ngày 12/10/2022)

Ủy quyền lại cho: Ông Trần Gia T, sinh năm 1971

Địa chỉ liên hệ: Phường V, Quận B, Thành phố H.

(Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2024)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1976

Địa chỉ: Chung cư P, Phường B, Quận T, Thành phố H.

Tạm trú: Ấp B (Ấp A cũ), xã H, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T do ông Trần Gia T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/3/2019 bà Nguyễn Thị Bích N có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (sau đây gọi chung là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (gọi tắt là Ngân hàng T). Căn cứ vào thu nhập của bà N, Ngân hàng T đã đồng ý cấp cho bà N 01 (một) Thẻ tín dụng JCB số thẻ 356481-0253, hạn mức sử dụng là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân.

Kể từ ngày được cấp và kích hoạt thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 451.262.556 đồng (Bốn trăm năm mươi một triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng) và thanh toán lại cho Ngân hàng T số tiền 456.986.324 đồng (Bốn trăm năm mươi sáu triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng) theo thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T. Sau đó, bà N đã không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận mặc dù đã được Ngân hàng T nhiều lần nhắc nhở.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T nên ngày 23/6/2023 Ngân hàng T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và đồng thời chuyển toàn bộ dư nợ tính đến ngày 23/6/2023 của bà N là 78.343.278 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng) thành nợ gốc, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn tính trên nợ gốc là 4,149%/tháng theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Nay Ngân hàng T yêu cầu bà N phải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019 tính đến ngày 21/11/2024 là 134.468.060 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn không trăm sáu mươi đồng), trong đó dư nợ gốc là 78.343.278 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng) và tiền lãi quá hạn là 56.124.782 đồng (Năm mươi sáu triệu một trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng). Ngoài ra, bà N còn phải thanh toán cho Ngân hàng T tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký từ ngày 22/11/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Vào ngày 25/3/2019 bà N có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (gọi tắt là Ngân hàng T) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T. Căn cứ vào thu nhập của bà N, Ngân hàng T đã đồng ý cấp cho bà N 01 thẻ tín dụng JCB số thẻ 356481-0253, với hạn mức sử dụng là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N đã nhiều lần thực hiện các giao dịch bằng thẻ và có thanh toán lại cho Ngân hàng T, nhưng chưa đầy đủ nên ngày 23/6/2023 Ngân hàng T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N. Hiện bà N còn nợ Ngân hàng T số tiền gốc là 78.343.278 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng) và các khoản lãi phát sinh.

Nay bà N đồng ý trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 78.343.278 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng) và các khoản lãi phát sinh. Tuy nhiên, do gia đình gặp nhiều khó khăn, bản thân bà N đang bệnh tật phải điều trị nên bà N xin được trả dần số tiền nợ theo hàng tháng, mỗi tháng trả cho Ngân hàng T số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ.

Ngoài ra, bà N không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Ngân hàng T vẫn giữ nguyên yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích N phải thanh toán một lần cho Ngân hàng T tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019 tính đến ngày 29/4/2025 là 151.695.551 đồng (Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 78.343.278 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng), lãi quá hạn là 73.352.273 đồng (Bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng); và yêu cầu bà N tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký từ ngày 30/4/2025 cho đến khi trả hết nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N đồng ý trả cho Ngân hàng T tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019 tính đến ngày 29/4/2025 là 151.695.551 đồng (Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 78.343.278 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng), lãi quá hạn là 73.352.273 đồng (Bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng); nhưng xin được trả góp cho Ngân hàng T mỗi tháng từ 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đến 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và xin không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký từ ngày 30/4/2025 cho đến khi trả hết nợ do gia đình gặp nhiều khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích N trả số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019 gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 25/3/2019, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T được bà Nguyễn Thị Bích N và đại diện Ngân hàng T ký tên xác nhận có cơ sở xác định bà N đã được Ngân hàng T đồng ý cấp cho 01 (một) Thẻ tín dụng JCB số thẻ 356481-0253, với hạn mức sử dụng là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) để tiêu dùng cá nhân.

Việc giao kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019 giữa Ngân hàng T và bà N là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đã phát sinh hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2]. Theo nội dung được ghi nhận trong Bảng tóm tắt sao kê ngày 29/4/2025 xác định:

- Từ ngày 22/4/2019 đến ngày 22/02/2023 bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 451.262.556 đồng (Bốn trăm năm mươi một triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng).

- Từ ngày 22/4/2019 đến ngày 22/02/2023 bà N đã nhiều lần thanh toán cho Ngân hàng T với tổng số tiền là 456.986.324 đồng (Bốn trăm năm mươi sáu triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng), nhưng vi phạm thời hạn thanh toán nên phát sinh các khoản lãi và phí được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

- Tính đến ngày 29/4/2025 bà N còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền là 151.695.551 đồng (Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 78.343.278 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng), lãi quá hạn là 73.352.273 đồng (Bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng).

[2.3]. Theo quy định tại Điều 20 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T thì số tiền bà N đã trả cho Ngân hàng T sẽ được áp dụng thanh toán theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Ngày 23/6/2023 Ngân hàng T chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và tính đến ngày 23/6/2023 số tiền bà N còn nợ Ngân hàng T là 78.343.278 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng) đã được Ngân hàng T chuyển sang nợ gốc quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

[2.4]. Căn cứ Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ T phát hành tại Việt Nam và Điều 22, Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T thì mức lãi suất trong hạn được áp dụng đối với thẻ tín dụng JCB là 2,766%/tháng và mức lãi suất quá hạn là 4,149%/tháng.

[2.5]. Ngân hàng T yêu cầu bà N phải thanh toán cho Ngân hàng T một lần tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019 tính đến ngày 29/4/2025 là 151.695.551 đồng (Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 78.343.278 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng), lãi quá hạn là 73.352.273 đồng (Bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng); và yêu cầu bà N tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/4/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2.6]. Đối với bà Nguyễn Thị Bích N đồng ý thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019 tính đến ngày 29/4/2025 là 151.695.551 đồng (Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 78.343.278 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng), lãi quá hạn là 73.352.273 đồng (Bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng); nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà N xin được trả dần mỗi tháng từ 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đến 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và xin không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/4/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2.7]. Xét thấy, bà N không thanh toán cho Ngân hàng T số tiền nợ phát sinh từ các giao dịch sử dụng thẻ tín dụng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Ngân hàng T yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019 tính đến ngày 29/4/2025 là 151.695.551 đồng (Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm

chín mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 78.343.278 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng), lãi quá hạn là 73.352.273 đồng (Bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng); và yêu cầu bà N tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/4/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 351, Điều 352, Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà N yêu cầu được trả dần số tiền nợ cho Ngân hàng T, mỗi tháng trả từ 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đến 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi thanh toán xong, nhưng không được Ngân hàng T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[2.8]. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T và Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có căn cứ, phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với bà Nguyễn Thị Bích N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019

là 151.695.551 đồng (Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 78.343.278 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng), lãi quá hạn là 73.352.273 đồng (Bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng).

Các đương sự thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 30/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.584.778 đồng (Bảy triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.361.702 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm lẻ hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051677 ngày 31/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**



Bùi Xuân Hương